

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày: 05/7/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thọ**;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Lê Minh Thông**;

+ Bà **Võ Thị Loan**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Diễm My**; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa có ông **Trần Công Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2017/HSST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phương T**; Sinh năm: 1988; Sinh, trú quán: Thôn 10, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Trần Thị C, sinh năm 1957; có vợ là Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1986, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đình T; Chức vụ: Phó Chủ tịch. Có mặt. (*Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2017*).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:**

1/ Ông Hồ Văn N; Sinh năm: 1997; Có mặt.

2/ Ông Hồ Văn S; Sinh năm: 1997; Có mặt.

3/ Ông Hồ Văn H; Sinh năm: 1998; Vắng mặt.

4/ Ông Hồ Văn X; Sinh năm: 1987; Có mặt.

5/ Ông Hồ Văn N; Sinh năm: 1995; Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn 3, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

*** Người phiên dịch:**

Bà Hồ Thị X; Sinh năm: 1987. Nghề nghiệp: Bí thư Đoàn TNCSHCM xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Phương T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đề lấy đất trồng keo, vào ngày 03/02/2017, Nguyễn Phương T đến nhờ anh ruột là Nguyễn Văn T, trú tại thôn 10, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam dẫn đi thuê Hồ Văn N, Hồ Văn S, Hồ Văn X, Hồ Văn N, Lê Văn Th, và nhờ Th thuê Hồ Văn H, cùng trú tại thôn 3, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam đi phát rừng. Ngày 04/02/2017, Nguyễn Phương T dẫn T, Th, N, H, S, X và N đi đến khu vực tại khoảnh 10, tiểu khu 515, khu vực B, thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam để chặt phát rừng. Đến 13 giờ 00 phút, ngày 08/02/2017, Hạt Kiểm lâm huyện H đang kiểm tra truy quét thì phát hiện các đối tượng nêu trên bỏ chạy, để lại hiện trường: 01 máy cưa nhãn hiệu STIHL MS381, 02 cái rựa, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Văn N và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Hồ Thị D, trú tại: thôn 3, xã Phước Gia, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Trên cơ sở kiểm tra, đo đếm tại hiện trường các cơ quan chức năng xác định diện tích rừng Nguyễn Phương T thuê người khác chặt phá là 15.580m², trong đó gồm có: 234 cây thân gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, tính toán khối lượng gỗ thương phẩm là 37,935m³, có trữ lượng cây đứng là 36,514m³/ha.

Ngày 20/02/2017, Hạt Kiểm lâm huyện H chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng xác định diện tích rừng tự nhiên bị chặt phá 15.580m² tại khoảnh 10, tiểu khu 515, khu vực B, thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam có trạng thái là rừng nghèo, chức năng phòng hộ, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam trực tiếp quản lý.

Tại bản kết luận định giá số 04/KL-HĐĐG ngày 10/03/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận giá trị thiệt hại về rừng trên diện tích rừng 15.580m² mà Nguyễn Phương T thuê người khác cưa hạ 234 cây gỗ có giá trị gỗ thương phẩm là: 28.251.500đ (*Hai mươi tám triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm đồng*) và giá trị thiệt hại về môi trường là: 113.006.000đ (*Một trăm mười ba triệu, sáu nghìn đồng*). Tổng giá trị thiệt hại là: 141.257.500đ (*Một trăm bốn mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

Ngày 16/3/2017, Nguyễn Phương T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 10/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Phương T về tội

“*Hủy hoại rừng*” theo điểm b, khoản 3, Điều 189 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 189; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phương T về tội “*Hủy hoại rừng*” với mức án từ 36 (*Ba mươi sáu*) đến 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước những tài sản chưa xác định chủ sở hữu là 02 (*Hai*) cái rựa và tài sản của Nguyễn Phương T đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội là 01 (*Một*) máy cưa xăng. Tuyên trả những tài sản 05 (*Năm*) cái rựa theo chủ sở hữu cho Hồ Văn N, Hồ Văn H, Hồ Văn N, Hồ Văn S, Hồ Văn X và 01 (*Một*) Giấy chứng minh nhân dân và 01 (*Một*) Giấy đăng ký xe mô tô cho Hồ Văn N. Về dân sự: Căn cứ Điều 86 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Điều 200, Điều 608, Điều 624 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Nguyễn Phương T bồi thường thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phương T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 03/02/2017, Nguyễn Phương T thuê Nguyễn Văn T, Hồ Văn N, Hồ Văn S, Hồ Văn X, Hồ Văn N, Lê Văn Th, Hồ Văn H dùng rựa và cưa lóc đến khu vực tại khoảnh 10, tiểu khu 515, khu vực B, thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam để chặt phát rừng nhưng không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Ngày 20/02/2017, Hạt Kiểm lâm huyện H chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng xác định diện tích rừng tự nhiên mà Nguyễn Phương T thuê người chặt phá là 15.580m², trong đó có: 234 cây thân gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, tính toán khối lượng gỗ thương phẩm là 37,935m³, có trữ lượng cây đứng là 36,514m³/ha tại khoảnh 10, tiểu khu 515, khu vực B, thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam có trạng thái là rừng nghèo, chức năng phòng hộ, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam trực tiếp quản lý.

Tại bản kết luận định giá số 04/KL-HĐĐG ngày 10/03/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H kết luận giá trị thiệt hại về rừng trên diện tích rừng 15.580m² gồm 234 cây gỗ có giá trị gỗ thương phẩm là: 28.251.500đ (*Hai mươi tám triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng*) và giá trị thiệt hại về môi trường là: 113.006.000đ (*Một trăm mười ba triệu, sáu nghìn đồng*). Tổng giá trị thiệt hại là: 141.257.500đ (*Một trăm bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Phương T đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 189 BLHS như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Rừng có một vai trò rất quan trọng đối với đời sống của con người cũng như nhiều loài động, thực vật. Đặc biệt, rừng phòng hộ có vai trò vô cùng to lớn trong việc bảo vệ môi trường sống, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu. Vì vậy, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng quy định bảo vệ rừng là trách nhiệm của toàn dân. Tình trạng hủy hoại gây chảy máu rừng là nỗi bức xúc của toàn xã hội. Nhưng bị cáo đã ngang nhiên thuê người vào chặt hạ cây rừng phòng hộ nhằm mục đích lấy đất trồng keo là thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi này của bị cáo đã gây ra hậu quả nghiêm trọng về tài sản và môi trường. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo để thể hiện tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng ngày một gia tăng như hiện nay.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại với số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Bị cáo có ông bà ngoại và cậu ruột là những người có công với cách mạng. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi hai con nhỏ, không có đất sản xuất. Cha mẹ già yếu, anh ruột bị bệnh về tâm thần. Bên cạnh đó, việc phạm tội của bị cáo cũng do một phần quản lý, kiểm tra thiếu thường xuyên và chặt chẽ của chính quyền địa phương và cơ quan chức năng quản lý, bảo vệ rừng. Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có nơi cư trú ổn định nên không nhất thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn, đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

+ 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Hồ Văn N, số 205870168; 01 (một) cái rựa dài cán 38cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 26cm của Hồ Văn Nhanh cần tuyên trao trả cho Hồ Văn N;

+ 01 (Một) cái rựa dài cán 44cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 24cm của Hồ Văn H nên tuyên trao trả cho chủ sở hữu;

+ 01 (Một) cái rựa dài cán 48cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 26cm của Hồ Văn N nên tuyên trao trả cho chủ sở hữu;

+ 01 (Một) cái rựa dài cán 50cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 25cm của Hồ Văn S nên tuyên trao trả cho chủ sở hữu;

+ 01 (Một) cái rựa dài cán 47cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 24 cm của Hồ Văn X nên tuyên trao trả cho chủ sở hữu;

+ 01 (Một) cái rựa dài cán 51 cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 25,8cm; 01 (Một) cái rựa dài cán 37cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn , phần lưỡi dài 29,2cm chưa xác định chủ sở hữu; 01 (Một) cái máy cưa xăng, loại cầm tay, hiệu STILL MS381 là công cụ phạm tội của Nguyễn Phương T nên tuyên sung quỹ Nhà nước.

+ 01 (Một) Giấy đăng ký xe mô tô số 004640 mang tên Hồ Thị D, trú thôn 03, P, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Hiện nay chưa tiếp xúc, làm việc được với bà Hồ Thị D nên giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H xử lý theo thẩm quyền.

Về dân sự: Hành vi chặt phá diện tích 15.580m² rừng tự nhiên, có trạng thái là rừng nghèo, chức năng phòng hộ của bị cáo có giá trị thiệt hại là: 141.257.500đ (Một trăm bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) là thuộc Nhà nước đại diện quản lý, buộc bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã T để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo đã bồi thường được 1.000.000đ (Một triệu đồng), còn lại 140.257.500đ (Một trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HS-ST và DS-ST theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức, thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phương T** phạm tội: **“Hủy hoại rừng”**.

Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 189; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phương T 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/7/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Phương T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người

được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (Một) cái rửa dài cán 51cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 25,8cm; 01 (Một) cái rửa dài cán 37cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 29,2cm; 01 (Một) cái máy cưa xăng, loại cầm tay, hiệu STILL MS381.

- Tuyên trả: 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Hồ Văn N, số 205870168 và 01 (Một) cái rửa dài cán 38cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 26cm cho Hồ Văn N; 01 (Một) cái rửa dài cán 44cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 24cm cho Hồ Văn H; 01 (Một) cái rửa dài cán 48cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 26cm cho Hồ Văn N; 01 (Một) cái rửa dài cán 50cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 25cm cho Hồ Văn S; 01 (Một) cái rửa dài cán 47cm, làm bằng cây lá nón hình trụ tròn, phần lưỡi dài 24cm cho Hồ Văn X.

- 01 (Một) Giấy đăng ký xe mô tô số 004640 mang tên Hồ Thị D, trú thôn 03, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H xử lý theo thẩm quyền.

(Các vật chứng này được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam và Chi cục thi hành dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam lập ngày 12/5/2017. Hiện nay đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam).

Về dân sự: Áp dụng khoản 1, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 86 Luật bảo vệ và Phát triển rừng; Điều 197; Điều 584; Điều 602 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Thăng Phước, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam số tiền 140.257.500đ (Một trăm bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị

cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 7.012.875đ (*Bảy triệu, mười hai nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*). Tổng cộng số tiền án phí bị cáo Tây phải chịu là 7.212.875đ (*Bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2017). Riêng người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Hiệp Đức;
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- CA huyện Hiệp Đức;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Đức;
- Sở Tư pháp tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ, án văn.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thọ